

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHÚ GIÁO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÀ HUYỆN THANH QUAN	ĐT.741	TRẦN HƯNG ĐẠO	9.100	3.600	2.700
2	BÀU AO	ĐT.741	ĐỘC LẬP (NGÃ 3 CẦU LỄ TRĂNG)	4.600	1.800	1.400
3	BẾN SẠN	ĐT.741	BỒ MUA	6.300	2.500	1.900
		BỒ MUA	ĐH - 501	4.700	1.900	1.400
4	BỒ MUA	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	BẾN SẠN	7.000	2.800	2.100
5	BÙI THỊ XUÂN	TRẦN QUANG DIỆU	VINH SƠN	9.000	3.600	2.700
6	CÀN LỎ	ĐT.741	SUỐI BẢY KIẾT	4.600	1.800	1.400
7	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	ĐT.741 (CÂY XẺNG VẬT TỤ)	QUANG TRUNG	7.000	2.800	2.100
		QUANG TRUNG	ĐT.741	5.200	2.100	1.600
8	ĐH.501 (TRỪ ĐOẠN TRÙNG ĐƯỜNG TẠO LỰC)	CẦU BÀ Ý	CẦU GIA BIỆN	4.100	1.600	1.200
		CẦU GIA BIỆN	ĐH.503	3.500	1.400	1.100
		NGÃ 3 NGHĨA TRĂNG NHÂN DÂN	CẦU BÀ Ý	3.600	1.400	1.100
9	ĐH.502 (TRỪ ĐOẠN TRÙNG ĐƯỜNG TẠO LỰC)	ĐT.741 (NHÀ THỜ AN BÌNH)	NGÃ 3 (CÔNG TY HẠT ĐIỀU HẢI VIỆT)	4.700	1.900	1.400
		NGÃ 3 (CÔNG TY HẠT ĐIỀU HẢI VIỆT)	GIÁP RANH XÃ PHƯỚC HÒA	3.800	1.500	1.100
10	ĐH.503	ĐT.741 (NÔNG TRƯỜNG 84)	SUỐI MÃ ĐÀ	3.800	1.500	1.100
11	ĐH.504	ĐT.741	GIÁP RANH XÃ PHƯỚC THÀNH	3.800	1.500	1.100

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHÚ GIÁO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
12	ĐH.518	ĐT.741 (TRẠM DỪNG CHÂN THÀNH CÔNG)	CẦU BA ĐIỀN	2.200	900	700
13	ĐỘC LẬP (TRỪ CÁC THỪA ĐẤT THUỘC KHU TĐC ÁP 7)	ĐT.741	TRẦN HƯNG ĐẠO	11.300	4.500	3.400
		TRẦN HƯNG ĐẠO	TRẦN QUANG DIỆU	11.300	4.500	3.400
		TRẦN QUANG DIỆU	CẦU LỄ TRANG	9.100	3.600	2.700
14	ĐT.741	GIÁP RANH XÃ PHƯỚC HÒA	HÙNG VƯƠNG	9.800	3.900	2.900
		HÙNG VƯƠNG	TRẦN QUANG DIỆU	9.800	3.900	2.900
		CÔNG NƯỚC VÀNG	UBND XÃ AN BÌNH (CŨ)	7.900	3.200	2.400
		UBND XÃ AN BÌNH (CŨ)	RANH XÃ ĐỒNG PHÚ TỈNH ĐỒNG NAI	7.100	2.800	2.100
		TRẦN QUANG DIỆU	ĐƯỜNG CÔNG CHÚA NGỌC HÂN (CÂY XĂNG VẬT TƯ)	6.900	2.800	2.100
		CÔNG CHÚA NGỌC HÂN (CÂY XĂNG VẬT TƯ)	GIÁP RANH CÔNG NƯỚC VÀNG	5.900	2.400	1.800
15	ĐT.741 CŨ	40.700M	41.260M	3.800	1.500	1.100
		41.260M	41.658M	3.800	1.500	1.100
		43.000M	43.381M	3.800	1.500	1.100
		45.510M	46.576M	3.800	1.500	1.100
		48.338M	48.593M	3.800	1.500	1.100

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHÚ GIÁO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		NHÀ ÔNG MỸ (KHU PHỐ 6)	CỔNG NƯỚC VÀNG	4.600	1.800	1.400
16	ĐƯỜNG 1/5	ĐT.741	CẦN LỎ	4.600	1.800	1.400
17	ĐƯỜNG 18/9	ĐT.741	HÙNG VƯƠNG	9.400	3.800	2.800
		HÙNG VƯƠNG	ĐỘC LẬP	9.800	3.900	2.900
18	ĐƯỜNG 19/5 (TRỪ CÁC THỪA ĐẤT THUỘC KHU TĐC BOT, ÁP 8)	ĐT.741	BỒ MUA	10.400	4.200	3.100
		BỒ MUA	ĐƯỜNG 3/2	8.300	3.300	2.500
19	ĐƯỜNG 3/2	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	ĐƯỜNG 19/5	4.600	1.800	1.400
20	ĐƯỜNG 30/4	TRẦN QUANG DIỆU	ĐƯỜNG 18/9	9.000	3.600	2.700
21	ĐƯỜNG CỬA BẮC (CỬA BẮC CHỢ)	ĐỘC LẬP	NGUYỄN VĂN TRỖI	9.800	3.900	2.900
22	ĐƯỜNG CỬA NAM (CỬA NAM CHỢ)	ĐỘC LẬP	NGUYỄN VĂN TRỖI	9.800	3.900	2.900
23	ĐƯỜNG NHÁNH BẾN SẠN	BẾN SẠN	NHÀ ÔNG 2 THỐI	4.700	1.900	1.400
24	ĐƯỜNG NHÁNH LÊ VĂN TÁM	LÊ VĂN TÁM	ĐƯỜNG 18/9	7.900	3.200	2.400
25	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI TRONG CÁC KHU CÔNG NGHỆ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP, KHU SẢN XUẤT,	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		3.800	1.500	1.100
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG NHỎ HƠN 9M		3.200	1.300	1.000

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHÚ GIÁO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	KHU CHẾ XUẤT CÒN LẠI.					
26	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI TRONG CÁC KHU THƯƠNG MẠI, KHU DỊCH VỤ, KHU DU LỊCH, KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ (HIỆN HỮU) CÒN LẠI.	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		6.400	2.600	1.900
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG NHỎ HƠN 9M		5.500	2.200	1.700
27	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ ẤP 7	THỬA ĐẤT TIẾP GIÁP ĐƯỜNG ĐỘC LẬP		16.000	6.400	4.800
		THỬA ĐẤT TIẾP GIÁP ĐƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU		14.000	5.600	4.200
		ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI		13.000	5.200	3.900
28	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ ẤP 9	THỬA ĐẤT TIẾP GIÁP ĐƯỜNG QUANG TRUNG		9.000	3.600	2.700
		ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI CÓ BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 9M TRỞ LÊN		8.500	3.400	2.600

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHÚ GIÁO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI CÓ BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG NHỎ HƠN 9M		7.500	3.000	2.300
29	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ BOT (ẤP 8)	THỪA ĐẤT TIẾP GIÁP ĐƯỜNG 19/5		10.500	4.200	3.200
		ĐƯỜNG NỘI BỘ CÒN LẠI		9.500	3.800	2.900
30	HAI BÀ TRUNG	ĐƯỜNG 18/9	TRẦN QUANG DIỆU	8.300	3.300	2.500
31	HÙNG VƯƠNG	ĐT.741	GIÁP CÔNG NHÀ BẢO TÀNG	9.800	3.900	2.900
32	KIM ĐỒNG	ĐỘC LẬP	GIÁP NHÀ ÔNG THƯỜNG	4.400	1.800	1.300
33	LÊ VĂN TÁM	BÙI THỊ XUÂN	ĐT.741	7.900	3.200	2.400
34	NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐT.741	TRẦN HƯNG ĐẠO	9.800	3.900	2.900
		TRẦN HƯNG ĐẠO	ĐỘC LẬP	9.100	3.600	2.700
35	PHAN BỘI CHÂU	ĐƯỜNG 19/5	BẾN SẠN	6.200	2.500	1.900
36	PHAN CHU TRINH	ĐT.741	BỐ MUA	5.200	2.100	1.600
37	PHƯỚC TIẾN	ĐT.741	PHAN BỘI CHÂU	6.300	2.500	1.900
38	QUANG TRUNG (TRỪ CÁC THỪA ĐẤT THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ ẤP 9)	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	ĐƯỜNG 19/5	6.300	2.500	1.900

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHÚ GIÁO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
39	TÀ LÁCH (ĐƯỜNG ĐI MỎ ĐÁ BECAMEX)	ĐH.502 (XÃ AN BÌNH CŨ)	BẾN TÀ LÁCH	3.500	1.400	1.100
40	TAO LỰC BẮC TÂN UYÊN - PHÚ GIÁO - BÀU BÀNG (THỊ TRẤN PHƯỚC VĨNH)			6.000	2.400	1.800
41	TRẦN HƯNG ĐẠO	SÂN BAY	NGUYỄN VĂN TRỖI	9.100	3.600	2.700
42	TRẦN HƯNG ĐẠO (NỐI DÀI)	NGUYỄN VĂN TRỖI	GIÁP RANH XÃ PHƯỚC HÒA	9.100	3.600	2.700
43	TRẦN QUANG DIỆU (NỐI DÀI)	BỐ MUA	QUANG TRUNG	6.600	2.600	2.000
44	TRẦN QUANG DIỆU (TRỪ CÁC THỬA ĐẤT THUỘC KHU TĐCẤP 7)	ĐT.741	ĐỘC LẬP	9.200	3.700	2.800
45	TUYẾN 1 (NỐI DÀI TRẦN QUANG DIỆU)	ĐỘC LẬP	NGUYỄN VĂN TRỖI	6.400	2.600	1.900
46	TUYẾN 13 (NỐI DÀI TRẦN QUANG DIỆU)	ĐT.741	BỐ MUA	6.400	2.600	1.900
47	TUYẾN 14 (NỐI DÀI ĐƯỜNG 18/9)	ĐT.741	BỐ MUA	6.400	2.600	1.900

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHÚ GIÁO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
48	TUYẾN A (HẸM 67 ĐƯỜNG ĐỘC LẬP)	ĐỘC LẬP (NHÀ ÔNG NĂM ĐỒ)	NGUYỄN VĂN TRỖI (CỔNG LỚN)	9.800	3.900	2.900
49	TUYẾN B (HẸM 41 ĐƯỜNG ĐỘC LẬP)	ĐỘC LẬP (NHÀ ÔNG HOÀNG)	NGUYỄN VĂN TRỖI (NHÀ ÔNG TRẮC)	9.800	3.900	2.900
50	VINH SƠN	NGUYỄN VĂN TRỖI (ĐỀN VINH SƠN)	ĐỘC LẬP	9.800	3.900	2.900
		ĐỘC LẬP	LÊ VĂN TÁM	9.800	3.900	2.900
51	VÕ THỊ SÁU	ĐỘC LẬP	NGUYỄN VĂN TRỖI	9.800	3.900	2.900